

Số: 41/2022/QĐST-HNGĐ

Điện Biên Phủ, ngày 04 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa:

Bà Vũ Thị L; địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ;

Ông Vũ Tiến T; địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 09, phường H, thành phố Đ, tỉnh Đ; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê T, chức vụ: Chủ tịch.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự vắng mặt, đương sự vắng mặt không có ý kiến khác; không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Vũ Thị L và ông Vũ Tiến T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2. Về con: Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2.3. Về tài sản:

- Giao cho bà Vũ Thị L quản lý, sử dụng mảnh đất và tài sản gắn liền với

đất có trị giá 150.000.000 đồng tại ô số 01 mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 30-2022, địa chỉ mảnh đất: Tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ (*thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 01, lập ngày 17/02/2022*) cho đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*hiện tại đang quản lý, sử dụng theo Hợp đồng khoán đất trồng cây hàng năm số 15/HTK ngày 01/01/2003 giữa bên nhận khoán là chủ hộ ông Vũ Tiến T và bên giao khoán là Công ty cây công nghiệp Đ*); cụ thể vị trí mảnh đất:

+ Phía Đông: Giáp đất lưu không sông Nậm Rốm là 4,1 mét (*từ mốc M4 đến mốc M5*);

+ Phía Tây: Giáp đường quốc lộ 12 là 4,66 mét (*từ mốc M2 đến mốc M3*);

+ Phía Nam: Giáp nhà đất của ông Khương Mạnh H là 85,6 mét (*từ mốc M3 đến mốc M4*);

+ Phía Bắc: Giáp nhà đất giao cho ông Vũ Tiến T là 85,6 mét (*từ mốc M2 đến mốc M5*).

- Giao cho ông Vũ Tiến T quản lý, sử dụng mảnh đất và tài sản gắn liền với đất có trị giá 150.000.000 đồng tại ô số 02 mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 30-2022, địa chỉ mảnh đất: tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ (*thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 01, lập ngày 17/02/2022*) cho đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*hiện tại đang quản lý sử dụng theo Hợp đồng khoán đất trồng cây hàng năm số 15/HTK ngày 01/01/2003 giữa bên nhận khoán: Chủ hộ ông Vũ Tiến T và bên giao khoán: Công ty cây công nghiệp Đ*); cụ thể vị trí mảnh đất:

+ Phía Đông: Giáp đất lưu không sông Nậm Rốm là 4,9 mét (*từ mốc M5 đến mốc M6*);

+ Phía Tây: Giáp đường quốc lộ 12 là 4,66 mét (*từ mốc M1 đến mốc M2*);

+ Phía Nam: Giáp nhà đất giao cho bà Vũ Thị L là 85,6 mét (*từ mốc M2 đến mốc M5*);

+ Phía Bắc: Giáp nhà đất của ông Nguyễn Văn C là 85,6 mét (*từ mốc M1 đến mốc M6*).

2.4. Về nợ: Không có.

2.5. Về chi phí tố tụng: Bà Vũ Thị L chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 4.294.000 đồng (*bốn triệu hai trăm chín mươi tư nghìn đồng*).

2.6. Về án phí: Bà Vũ Thị L chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản, nhưng được khấu trừ vào tổng số 4.050.000 đồng (*bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai số 0001763 và số 0001764 cùng ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành

án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; bà Vũ Thị L còn phải nộp 3.600.000 đồng (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đ;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh T (nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THSDS TPĐ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nhung

